

Bản án số: 18/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 08-5-2018

V/v ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 2, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Cửu Long

2/ Ông Phạm Văn Phước

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Trang – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 2 tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 178/2017/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2017 về yêu cầu ly hôn và tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2018/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Bùi Thị Thúy Đ, sinh năm 1962.

Địa chỉ thường trú: Số 70 - 72, đường A, phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ tạm trú: Số 93, Đường Đ, Khu phố E, phường F, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Trần Hồng V, sinh năm 1962.

Địa chỉ thường trú: Số 93, Đường Đ, Khu phố E, phường F, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Bùi Thị Thúy Đ trình bày:

Bà và ông Trần Hồng V chung sống tự nguyện với nhau từ năm 1986, có tổ chức lễ cưới và đăng ký theo Giấy chứng nhận kết hôn số 45/1986, quyền số

01/1982 của Ủy ban nhân dân phường L, quận M, thành phố N cấp ngày 11/6/1986.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, tuy nhiên bắt đầu từ năm 2003 bà và ông V thường xuyên mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, lối sống, ông bà tuy là vợ chồng nhưng không san sẻ, giúp đỡ nhau trong cuộc sống, dẫn đến mâu thuẫn cuộc sống hôn nhân ngột ngạt, bế tắc, ngày càng trầm trọng. Đã nhiều lần bà và ông V cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không thành, tình cảm vợ chồng trở nên nguội lạnh, do đó bà và ông V đã sống ly thân từ năm 2004 cho đến nay, mỗi người tự chăm lo cuộc sống của mình, không ai quan tâm đến ai. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông V để ổn định cuộc sống. Về con chung: Bà Đ tự khai trong quá trình chung sống, bà và ông V có 02 con chung là Trần Duy K, sinh ngày 01/10/1986 và Trần Hoàng L, sinh ngày 01/11/2001. Đối với con chung là Trần Duy K đã thành niên nên bà Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà Đ yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Hoàng L cho đến khi thành niên và không yêu cầu ông V cấp dưỡng. Về tài sản chung, nghĩa vụ dân sự chung: Bà Đ xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Trần Hồng V: Tòa án đã tiến hành triệu tập nhiều lần nhưng vắng mặt và không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ nào cho Tòa án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 2 ý kiến như sau:

Về tuân theo pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của các đương sự là đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến nên Hội đồng xét xử xử vắng mặt đúng quy định pháp luật.

Ý kiến về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Xét nguyên đơn yêu cầu ly hôn và tranh chấp nuôi con với bị đơn là loại tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân Quận 2 do nơi cư trú của bị đơn tại Quận 2 là đúng thẩm quyền theo Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Mặc dù đã được nhiều lần

triệu tập nhưng bị đơn hoàn toàn không đến và không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ nào cho Tòa án. Căn cứ vào thông tin của Công an phường An Phú cung cấp, có cơ sở để xác định bị đơn thường trú tại địa chỉ số 93, Đường Đ, Khu phố E, phường F, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, nhưng thực tế không còn cư trú từ tháng 02/2017 và đi đâu không rõ. Để đảm bảo thủ tục tố tụng đúng quy định pháp luật, căn cứ vào Điều 180 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân Quận 2 đã đăng thông báo trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án Thành phố Hồ Chí Minh, Báo Lao Động trong ba số liên tiếp, phát sóng trên Đài tiếng nói Việt Nam ba lần, trong ba ngày liên tiếp về quá trình Tòa án giải quyết vụ án, nhưng bị đơn vẫn không đến Tòa án mà không có bất cứ lý do nào. Xét tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

Xét tình trạng hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định như sau:

Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 45/1986, quyền số 01/1982 do Ủy ban nhân dân phường L, quận M, thành phố N cấp ngày 11/6/1986 thì việc kết hôn giữa nguyên đơn và bị đơn là có giá trị pháp lý theo Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn thì mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Đ và ông V đã tồn tại từ lâu, nguyên nhân là do hai bên bất đồng quan điểm, lối sống, mâu thuẫn âm ỉ kéo dài dẫn đến tình cảm vợ chồng trở nên nguội lạnh, hai bên không còn tìm được tiếng nói chung, đã nhiều lần bà Đ và ông V tìm cách hàn gắn tình cảm nhưng không thành, cuộc sống hôn nhân rơi vào bế tắc, ngột ngạt, nên cả hai đã quyết định ly thân từ năm 2004 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai, mỗi người tự lo cho cuộc sống của mình.

Xét bị đơn đã được Tòa án triệu tập nhiều lần để tiến hành hòa giải đoàn tụ nhằm tạo điều kiện để hai bên có cơ hội hàn gắn nhưng luôn vắng mặt và không có bất cứ ý kiến cũng như cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ nào cho Tòa án. Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của bà Đ và ông V tại Ủy ban nhân dân phường An Phú, Quận 2 nhưng được trả lời không rõ mâu thuẫn.

Từ những căn cứ nêu trên, nhận thấy trong quan hệ hôn nhân giữa bà Đ và ông V không có sự thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc gia đình, từ tháng 2/2017 cho đến nay ông V bỏ nhà đi đâu không rõ, không làm tròn bổn phận của một người chồng phải có nghĩa vụ sống chung với vợ mà không có lý do nào khác theo Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình, từ nguyên nhân này đã dẫn đến quan hệ hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, và cả hai cũng không mong muốn tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân này. Nguyên vọng của bà Đ muốn được ly hôn để ổn định cuộc sống sau một thời gian dài cố gắng hàn gắn gia đình nhưng không thành là hợp tình, hợp lý. Do đó,

yêu cầu ly hôn của bà Đ là có cơ sở được chấp nhận, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Bà Đ và ông V có 02 con chung là Trần Duy K, sinh ngày 01/10/1986 và Trần Hoàng L, sinh ngày 01/11/2001. Xét nguyện vọng của bà Đ mong muốn được nuôi con chung là cháu Trần Hoàng L, không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con vì bà có đủ điều kiện và khả năng nuôi con, còn ông V bỏ đi đâu không rõ, đồng thời, căn cứ vào bản tự khai ngày 26/02/2018 của cháu Trần Hoàng L cũng có nguyện vọng được sống chung với mẹ, nên có cơ sở được chấp nhận. Đối với con chung là Trần Duy K đã thành niên nên Hội đồng xét xử không xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 2 là phù hợp quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 266, Điều 271, Khoản 1 Điều 273 và Khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84, 85 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Áp dụng Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng Điều 26 Luật Thi hành án dân sự,

1- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị Thúy Đ được ly hôn với ông Trần Hồng V.

- Về con chung:

Con chung tên Trần Duy K đã thành niên nên Tòa án không xem xét.

Giao con chung tên Trần Hoàng L, sinh ngày 01/11/2001 cho bà Bùi Thị Thúy Đ trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Bùi Thị Thúy Đ không yêu cầu ông Trần Hồng V cấp dưỡng nuôi con chung là Trần Hoàng Long.

Sau khi ly hôn, bà Đ và ông V vẫn có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung cho đến khi đủ tuổi trưởng thành. Vì lợi ích của con, trong trường hợp không bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của con, các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi

con, hạn chế quyền thăm nom con, hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ dân sự chung: Không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

2- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Bùi Thị Thúy Đ phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (*Ba trăm ngàn*) đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Đ đã nộp 300.000 (*Ba trăm ngàn*) đồng theo Biên lai thu số AE/2014/0008058 ngày 17 tháng 5 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2. Bà Đ đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có quyền kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân Quận 2;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2;
- Ủy ban nhân dân phường L, quận M, thành phố N;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thu Hải

Nơi nhận:

- Viện Kiểm sát nhân dân Quận 2;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2;
- Ủy ban nhân dân phường Lương Khánh Thiện, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thu Hải